

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, TUYỂN CHỌN CÁ THỂ ƯU TÚ GIỐNG XOÀI TRÒN YÊN CHÂU TẠI TỈNH SƠN LA

Đỗ Văn Huy^{1*}, Nguyễn Văn Dũng¹, Ngô Xuân Phong¹,
Nguyễn Thị Bích Hồng¹, Đoàn Đức Hoàng¹

TÓM TẮT

Xoài tròn Yên Châu là giống xoài bản địa quý, đặc trưng bởi chất lượng quả tốt, hương thơm và vị ngọt đậm đà. Kết quả điều tra, bình tuyển cá thể vượt trội phục vụ cho việc bảo tồn và phát triển bền vững giống xoài này đã ghi nhận 7 cây đạt các tiêu chí tuyển chọn về khối lượng quả (> 180 g/quả), tỷ lệ ăn được (> 75%) và hàm lượng chất xơ (< 6%), bao gồm các cây: YC-CP-16; YC-SV-42; YC-SV-50; YC-SV-51; YC-SV-53; YC-TN-03; SM-MS-01. Trong số các cá thể sơ tuyển nói trên, 3 cây: YC-SV-51 (khối lượng quả: 181,75 g; tỷ lệ ăn được: 75,98%; hàm lượng chất xơ: 5,55%; Brix: 20,5%; Đường TS: 17,69%); YC-SV-53 (khối lượng quả: 183,58 g; tỷ lệ ăn được: 75,76%; hàm lượng chất xơ: 5,71%; Brix: 19,6%; Đường TS: 17,38%); YC-TN-03 (khối lượng quả: 393,42 g; tỷ lệ ăn được: 78,98%; hàm lượng chất xơ: 5,59%; Brix: 20,5%; đường TS: 17,62%) có nhiều ưu điểm nổi bật, đạt được tiêu chí cây ưu tú.

Từ khóa: Xoài tròn Yên Châu, điều tra, tuyển chọn, cây ưu tú

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xoài tròn Yên Châu là giống xoài bản địa quý đặc trưng bởi chất lượng, hương thơm và vị ngọt đậm đà của quả, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa vào danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm cần bảo tồn và phát triển theo Quyết định số 79/2005/QĐ-BNN ký ngày 15 tháng 12 năm 2005 và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý theo quyết định số 2958/QĐ-SHTT ký ngày 30 tháng 11 năm 2012. Xoài Yên Châu là giống xoài bản địa duy nhất của miền Bắc Việt Nam được liệt kê trong danh mục các nguồn gen cần được gìn giữ và phát triển của Tổ chức Nông Lương thế giới FAO (FAO, 2004). Trên địa bàn huyện Yên Châu, giống xoài tròn Yên Châu được trồng tập trung ở các xã Chiềng Păn, Viêng Lán, Sập Vạt thuộc huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, nơi có điều kiện thời tiết, khí hậu tương đối đặc thù và cơ bản đáp ứng được yêu cầu sinh thái của giống xoài này.

Tuy nhiên, giống xoài Yên Châu có một số đặc điểm hạn chế như: kích thước quả nhỏ, khối lượng quả thấp khoảng: 140 - 170 g (Phạm Thị Hương, 2008), tỷ lệ phần ăn được thấp (65 - 70%), hạt to, tỷ lệ chất xơ nhiều (> 8%). Do vậy, việc điều tra, tuyển chọn cá thể xoài tròn Yên Châu ưu tú là có ý nghĩa và cần thiết giúp cải tiến giống theo hướng nâng cao được năng suất và chất lượng góp phần bảo tồn và phát triển bền vững giống xoài tròn bản địa Yên Châu.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Các cá thể của giống xoài tròn Yên Châu trong các vườn nông hộ ở 3 huyện Yên Châu, Sông Mã và Mường La thuộc tỉnh Sơn La, có độ tuổi từ 10 năm trở lên và cho thu hoạch ít nhất 3 vụ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra, đánh giá

Sử dụng phương pháp điều tra PRA (Nguyễn Duy Cẩn, Nicovromant, 2009), điều tra, tuyển chọn giống xoài tròn Yên Châu ưu tú theo phương pháp điều tra tuyển chọn cá thể với phiếu điều tra lập sẵn, trên cơ sở xây dựng tiêu chí tuyển chọn bao gồm các chỉ tiêu về đặc điểm hình thái, khả năng sinh trưởng phát triển, năng suất, chất lượng quả.

Tiêu chí tuyển chọn:

- Cây tuyển chọn có đặc điểm hình thái đặc trưng của giống xoài tròn Yên Châu.
- Cây tuyển chọn có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, không bị sâu bệnh hại nguy hiểm.
- Cây tuyển chọn đã cho quả ổn định ít nhất 3 năm, có năng suất cao hơn hoặc ngang bằng so với đại trà trong cùng vùng sản xuất.
- Cây tuyển chọn có khối lượng trung bình quả đạt từ 180 g/quả trở lên, tỷ lệ ăn được từ 75% trở lên, hàm lượng chất xơ nhỏ hơn 6%.

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả

* Tác giả chính: Email: vanhuydo.hd@gmail.com

2.2.2. Các bước tiến hành điều tra, phân tích, đánh giá

- Bước 1 (có sự tham gia của cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương): Phối hợp với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương xác định vùng trồng tập trung cây xoài tròn Yên Châu trên địa bàn điều tra.

- Bước 2 (có sự tham gia của cán bộ chuyên môn địa phương và người dân): Tiến hành điều tra thực địa các nông hộ trồng xoài để đánh giá, tuyển chọn và thu thập các mẫu sơ bộ đạt tiêu chí tuyển chọn về khối lượng quả và tỷ lệ phần ăn được.

- Bước 3 (Phân tích cơ giới quả): Các mẫu thu thập được tiến hành phân tích chi tiết các chỉ tiêu cơ giới quả để xác định các mẫu đạt tiêu chí về khối lượng quả và tỷ lệ phần ăn được.

- Bước 4 (Phân tích chất lượng quả): Các mẫu đạt tiêu chí về khối lượng quả và tỷ lệ phần ăn được sẽ tiếp tục được phân tích một số chỉ tiêu chất lượng để xác định các mẫu đạt tiêu chí về hàm lượng chất xơ.

- Bước 5: Tuyển chọn các cá thể đạt tiêu chí tuyển chọn để chọn ra cây ưu tú.

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Ứng dụng chương trình Excel 365.

2.3. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Điều tra, đánh giá trên địa bàn 3 huyện Yên Châu, Sông Mã và Mường La từ 2018 - 2019.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả điều tra, khảo sát và thu mẫu quả giống xoài tròn Yên Châu ưu tú

Trên cơ sở tiêu chí tuyển chọn giống, vụ quả năm 2018, Viện Nghiên cứu Rau quả phối hợp với Trạm Khuyến nông các huyện Yên Châu, Sông Mã và Mường La tiến hành điều tra, tuyển chọn cá thể giống xoài tròn Yên Châu ưu tú trên địa bàn 3 huyện. Đây là 3 huyện có diện tích xoài tròn lớn nhất và được trồng lâu đời nhất của tỉnh Sơn La. Công tác điều tra, đánh giá tập trung vào các xã có diện tích và số cây xoài nhiều, bao gồm 7 xã của huyện Yên Châu (Chiềng Păn, Viêng Lán, Sập Vạt, Chiềng Hặc, Tú Nang, Chiềng Sàng, Chiềng Khoi), 4 xã của huyện Sông Mã (Chiềng Khương, Chiềng Cang, Mường Hung và Mường Sai) và 3 xã của huyện Mường La (Mường Bú, Tạ Bú và Chiềng Hoa) (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả điều tra, khảo sát và thu thập mẫu quả

TT	Địa bàn điều tra	Diện tích trồng xoài (ha)	Số xã khảo sát (xã)	Số phiếu khảo sát (phiếu)	Số mẫu thu thập (mẫu)
1	Huyện Yên Châu	1.866	7	385	39
2	Huyện Sông Mã	2.279	4	224	18
3	Huyện Mường La	1.220	3	141	3
	<i>Tổng</i>	5.365	14	750	60

3.2. Kết quả tuyển chọn cá thể giống xoài tròn Yên Châu ưu tú

Tổng hợp kết quả khảo sát trên 750 mẫu phiếu, chúng tôi đã chọn ra được 60 mẫu quả được coi là nổi trội, trong đó Yên Châu có 39 mẫu, Sông Mã 18

mẫu và Mường La 3 mẫu. Các mẫu quả này được phân tích chi tiết các chỉ tiêu cơ giới quả, qua đó, chọn ra được 40 mẫu đạt tiêu chí về khối lượng quả và tỷ lệ phần ăn được trong đó Yên Châu được 31 mẫu, Sông Mã được 9 mẫu (Bảng 2).

Bảng 2. Một số chỉ tiêu cơ giới quả của các mẫu thu thập năm 2018

TT	Mã số cây	Khối lượng quả (gam)	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Khối lượng hạt (g)	Khối lượng vỏ (g)	Khối lượng thịt quả (g)	Tỷ lệ ăn được (%)
1	YC-CP-6	181,86	8,04	6,18	25,96	17,78	138,12	75,95
2	YC-CP-8	189,25	8,20	6,08	32,30	21,88	135,08	71,37
3	YC-CP-9	181,24	7,98	6,12	25,68	19,32	136,24	75,17
4	YC-CP-12	181,50	7,96	5,84	26,26	18,12	137,12	75,55
5	YC-CP-14	180,32	7,86	5,98	25,10	18,62	136,60	75,75
6	YC-CP-16	181,30	7,68	6,04	28,68	16,50	136,12	75,08
7	YC-CP-20	182,54	7,64	6,22	26,70	18,46	137,38	75,26
8	YC-VL-10	183,50	7,84	5,92	27,32	17,58	138,60	75,53
9	YC-VL-13	178,82	7,80	5,74	27,86	19,80	131,16	73,35
10	YC-VL-20	184,32	7,98	6,14	28,78	16,57	138,97	75,40
11	YC-VL-29	172,02	7,66	5,98	29,14	18,32	124,56	72,41

Bảng 2. Một số chỉ tiêu cơ giới quả của các mẫu thu thập năm 2018

TT	Mã số cây	Khối lượng quả (gam)	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Khối lượng hạt (g)	Khối lượng vỏ (g)	Khối lượng thịt quả (g)	Tỷ lệ ăn được (%)
12	YC-VL-32	179,66	7,52	5,52	27,72	20,08	131,86	73,39
13	YC-VL-38	180,20	7,72	5,73	28,70	21,12	130,38	72,35
14	YC-VL-48	183,70	7,64	5,86	26,20	17,64	139,86	76,14
15	YC-VL-49	185,22	7,82	6,08	24,76	19,10	141,36	76,32
16	YC-VL-50	183,52	7,69	6,26	27,92	16,70	138,90	75,69
17	YC-VL-50.1	182,30	7,56	5,84	24,48	18,40	139,42	76,48
18	YC-SV-1.2	186,42	7,68	6,11	26,32	18,78	141,32	75,81
19	YC-SV-6	183,78	7,94	5,98	27,56	17,78	138,44	75,33
20	YC-SV-8	183,45	7,52	5,74	25,76	18,67	139,02	75,78
21	YC-SV-12	193,74	8,22	6,10	29,46	25,50	138,78	71,63
22	YC-SV-25.1	186,32	7,80	5,78	27,36	17,18	141,78	76,09
23	YC-SV-29	184,56	7,23	6,24	26,56	17,32	140,68	76,22
24	YC-SV-42	181,52	7,62	5,95	27,38	16,22	137,92	75,98
25	YC-SV-50	182,47	7,87	5,90	25,93	17,16	139,37	76,38
26	YC-SV-51	181,75	7,79	5,84	26,31	17,34	138,10	75,98
27	YC-SV-53	183,58	7,84	5,78	26,08	18,42	139,08	75,76
28	YC-SV-54	183,05	7,59	5,47	26,92	16,77	139,36	76,13
29	YC-CH-7	255,60	8,84	6,82	41,60	28,95	185,05	72,40
30	YC-CH-19	180,66	7,54	5,76	23,10	18,58	138,98	76,93
31	YC-CS-1	183,26	7,64	5,54	28,52	21,24	133,50	72,85
32	YC-CK-54	184,58	7,62	5,86	25,30	19,20	140,08	75,89
33	YC-TN-03	393,42	10,76	7,56	45,78	36,92	310,72	78,98
34	YC-TN-22	228,70	9,26	6,32	31,56	22,84	174,30	76,21
35	YC-TN-23	214,96	8,38	6,40	33,32	20,04	161,60	75,18
36	YC-TN-34	186,52	9,44	5,92	25,64	19,74	141,14	75,67
37	YC-TN-41	183,33	8,35	5,84	26,13	21,61	135,59	73,96
38	YC-TN-44	225,65	9,08	6,10	28,80	18,43	178,43	79,07
39	YC-TN-48	228,34	9,75	6,15	29,89	19,34	179,11	78,44
40	SM-MS-1	202,34	8,06	6,08	28,26	17,95	156,13	77,16
41	SM-MS-69	196,55	8,90	6,10	28,05	18,00	150,50	76,57
42	SM-MS-81	183,43	7,87	5,77	25,90	17,80	139,73	76,18
43	SM-MS-83	219,67	8,40	6,37	33,27	19,20	167,20	76,12
44	SM-MH-1	195,60	8,05	6,10	29,40	21,57	144,63	73,94
45	SM-MH-3	183,53	8,01	6,00	28,60	16,87	138,07	75,23
46	SM-CC-1	195,30	7,90	6,20	27,50	17,30	150,50	77,06
47	SM-CC-3	185,80	8,30	6,10	27,75	20,04	138,01	74,28
48	SM-CC-7	195,63	8,17	6,07	31,87	23,37	140,40	71,77
49	SM-CC-9	214,25	8,60	6,18	33,80	23,85	156,60	73,09
50	SM-CC-14	231,50	8,97	6,43	34,24	26,86	170,40	73,61
51	SM-CC-22	219,25	8,00	6,95	34,84	22,85	161,56	73,69
52	SM-CC-32	184,77	7,77	5,70	27,80	21,70	135,27	73,21
53	SM-CC-33	177,73	8,27	5,77	28,40	19,57	129,76	73,01
54	SM-CC-42	201,47	8,00	6,10	27,70	18,57	155,20	77,04
55	SM-CC-46	184,60	8,55	5,70	30,45	17,20	136,95	74,19
56	SM-CC-47	194,73	8,13	6,20	26,27	21,30	147,17	75,57
57	SM-CC-50	184,80	7,70	6,10	27,85	16,70	140,25	75,89
58	ML-TB-3	176,35	7,15	5,25	27,79	19,75	128,81	73,04
59	ML-MB-2	184,94	8,18	5,56	29,49	21,44	134,01	72,46
60	ML-MB-16	217,00	8,85	6,10	31,55	25,25	160,20	73,82

Ghi chú: Tên mẫu được ký hiệu bằng các chữ cái theo thứ tự: Tên huyện - Tên xã - Số thứ tự hộ điều tra - Số thứ tự cây điều tra/hộ. Kết quả phân tích tại Bộ môn Cây ăn quả - Viện Nghiên cứu Rau quả.

Tiếp tục phân tích các chỉ tiêu về chất lượng của 40 mẫu (Bảng 3) đã chọn lọc để chọn ra các mẫu đạt tiêu chí về hàm lượng chất xơ.

Theo tiêu chí về hàm lượng chất xơ, kết quả phân tích cho thấy có 7 cây có chỉ số hàm lượng chất xơ nhỏ hơn 6% , bao gồm các cây: YC-CP-16, YC-SV-42, YC-SV-50, YC-SV-51, YC-SV-53, YC-TN-03, SM-MS-01.

Đánh giá chung các chỉ tiêu chất lượng của các mẫu giống chúng tôi tuyển chọn 3 cây: YC-SV-51, YC-SV-53, YC-TN-03 là các cây ưu tú đạt yêu cầu theo các tiêu chí tuyển chọn, trong đó cây YC-TN-03 có khối lượng quả cao hơn khá nhiều so với các cá thể khác (trung bình 393,42 gam) mà vẫn giữ được hương vị của quả xoài tròn bản địa ở Yên Châu.

Bảng 3. Một số chỉ tiêu chất lượng quả của các mẫu chọn lọc năm 2018

TT	Mã số cây	Brix (%)	Chất khô (%)	Đường tổng số (%)	Axit (%)	Vitamin C (mg/100g)	Tanin (%)	Xenlulo (%)
1	YC-CP6	19,3	20,36	15,53	0,121	32,89	0,082	7,61
2	YC-CP9	15,8	21,43	11,01	0,302	35,52	0,140	7,46
3	YC-CP12	17,3	19,31	12,34	0,201	36,84	0,144	7,76
4	YC-CP14	17,1	18,97	13,71	0,348	44,73	0,131	7,90
5	YC-CP16	18,0	21,75	14,22	0,107	30,26	0,144	5,97
6	YC-CP20	18,5	19,97	12,25	0,161	42,11	0,121	7,86
7	YC-VL10	17,4	18,29	13,41	0,214	36,84	0,261	7,82
8	YC-VL20	19,6	21,09	17,06	0,201	32,89	0,117	6,65
9	YC-VL48	19,2	20,86	15,47	0,201	37,50	0,183	6,47
10	YC-VL49	21,8	23,90	18,21	0,201	32,24	0,117	6,48
11	YC-VL50	17,2	18,38	13,56	0,469	42,10	0,161	7,03
12	YC-VL50.1	16,8	18,12	13,25	0,509	40,78	0,144	6,90
13	YC-SV1.2	18,1	19,41	14,19	0,134	25,00	0,132	7,21
14	YC-SV6	20,2	21,56	17,53	0,235	28,95	0,125	6,03
15	YC-SV8	20,4	21,76	17,53	0,201	30,26	0,105	6,89
16	YC-SV25.1	20,7	21,48	17,84	0,335	25,00	0,164	6,98
17	YC-SV29	17,2	19,42	12,85	0,235	36,84	0,127	6,11
18	YC-SV42	17,8	19,24	13,29	0,161	43,42	0,125	5,45
19	YC-SV50	16,4	17,52	13,03	0,268	32,89	0,241	5,74
20	YC-SV51	20,5	21,61	17,69	0,268	29,60	0,183	5,55
21	YC-SV53	19,6	21,87	17,38	0,322	30,26	0,125	5,71
22	YC-SV54	17,6	19,85	14,81	0,335	31,57	0,180	7,30
23	YC-CH19	18,0	19,24	11,47	0,603	42,76	0,132	7,27
24	YC-CK54	18,1	19,31	14,84	0,241	38,15	0,101	6,73
25	YC-TN03	20,5	21,49	17,62	0,255	30,36	0,122	5,59
26	YC-TN22	15,4	17,23	10,39	0,254	33,55	0,111	6,38
27	YC-TN23	18,8	19,34	13,24	0,308	32,89	0,117	7,23
28	YC-TN34	16,2	17,43	10,32	1,340	7,90	0,164	7,75
29	YC-TN41	17,2	18,38	13,52	0,081	23,02	0,241	7,04
30	YC-TN48	18,0	19,45	16,59	0,134	29,60	0,125	6,94
31	YC-TN44	16,5	18,50	13,41	0,114	7,89	0,078	7,56
32	SM-MS01	16,0	18,17	10,85	0,214	17,11	0,194	5,78
33	SM-MS81	15,9	17,01	10,59	0,214	22,37	0,132	6,47
34	SM-MS83	16,8	17,88	12,03	0,134	10,53	0,202	7,60
35	SM-MS69	13,5	15,13	9,92	0,101	17,76	0,117	7,61
36	SM-MH3	16,0	17,59	14,09	0,101	26,32	0,144	7,33
37	SM-CC1	17,0	20,99	14,38	0,101	6,58	0,186	6,67
38	SM-CC42	16,7	18,77	11,62	0,134	19,74	0,164	6,39
39	SM-CC47	19,2	20,68	17,21	0,168	15,79	0,183	6,90
40	SM-CC50	14,0	15,17	10,23	0,201	38,16	0,094	7,91

Nguồn: Kết quả phân tích tại Bộ môn Kiểm nghiệm chất lượng Rau quả - Viện Nghiên cứu Rau quả.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Trong quần thể giống xoài tròn Yên Châu trồng ở 3 huyện Yên Châu, Sông Mã và Mường La thuộc tỉnh Sơn La, 7 cá thể ký hiệu YC-CP-16; YC-SV-42; YC-SV-50; YC-SV-51; YC-SV-53; YC-TN-03; SM-MS-01 đạt được các tiêu chí về khối lượng quả (> 180 g/quả), tỷ lệ ăn được (> 75%) và hàm lượng chất xơ (< 6%).

- Tiếp tục đánh giá sâu các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng quả, chúng tôi đã tuyển chọn được 3 cá thể: YC-SV-51 (khối lượng quả: 181,75 g; tỷ lệ ăn được: 75,98%; hàm lượng chất xơ: 5,55%; Brix: 20,5%; Đường TS: 17,69%); YC-SV-53 (khối lượng quả: 183,58 g; tỷ lệ ăn được: 75,76%; hàm lượng chất xơ: 5,71%; Brix: 19,6%; Đường TS: 17,38%); YC-TN-03 (khối lượng quả: 393,42 g; tỷ lệ ăn được: 78,98%; hàm lượng chất xơ: 5,59%; Brix: 20,5%; Đường TS: 17,62%) đáp ứng các tiêu chí cây ưu tú làm nguồn vật liệu cho công tác nhân rộng trong sản xuất.

4.2. Đề nghị

Để bảo tồn và phát triển giống xoài tròn Yên Châu cần nhân rộng các cá thể giống xoài tròn Yên Châu ưu tú tuyển chọn hiệu quả, bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2005. Quyết định số 79/2005/QĐ-BNN, ngày 15/12/2005 về việc “Đưa hai giống xoài tròn và xoài hôi của huyện Yên Châu vào danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm cần bảo tồn và phát triển”, truy cập ngày 5/8/2020. Địa chỉ: https://www.noip.gov.vn/hoat-ong-so-huu-cong-nghiep-tai-ia-phuong/-/asset_publisher/7xsjBfqhCDAV/content/bao-ho-chi-dan-ia-ly-yen-chau-cho-san-pham-xoai-tron/pop_up?_101_INSTANCE_7xsjBfqhCDAV_viewMode=print
- Nguyễn Duy Cần, Nicovromant, 2009. *PRA Đánh giá nông thôn với sự tham gia của người dân*. Xuất bản lần 2. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội: 72 trang.
- Cục Sở hữu trí tuệ, 2012. Quyết định số 2958/QĐ-SHTT, ngày 30/11/2012 về việc cấp “Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00034 cho sản phẩm xoài tròn Yên Châu”, truy cập ngày 5/8/2020. Địa chỉ: https://www.ipvietnam.gov.vn/phat-trien-chi-dan-ia-ly/-/asset_publisher/SGA9PgymYtWI/content/bao-ho-chi-dan-ia-ly-yen-chau-cho-san-pham-xoai-tron?inheritRedirect=false.
- Phạm Thị Hương, 2008. Một số kết quả bước đầu về cải tạo vườn xoài ở bản Cốc Lắc, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, VI (2): 105-109.
- FAO, 2004. *Fruits of Vietnam*. Food Agriculture Organization of the United Nations.

Investigation and selection of elite individuals of Yen Chau round shaped fruit mango variety in Son La province

Đo Van Huy, Nguyen Van Dung, Ngo Xuan Phong, Nguyen Thi Bich Hong, Doan Duc Hoang

Abstract

Yen Chau round-shaped fruit mango is a precious indigenous variety, characterized by good fruit quality, aromatic and sweet taste. Result of the investigation and selection of elite individuals for the conservation and sustainable development of this mango variety was recorded 7 individuals meeting the selection criteria, such as fruit weight (> 180 g/fruit), edible rate (> 75%) and fiber content (< 6%), including: YC-CP-16; YC-SV-42; YC-SV-50; YC-SV-51; YC-SV-53; YC-TN-03; SM-MS-01. Among the above selected individuals, 3 individuals YC-SV-51 (fruit weight: 181.75 grams; edible rate: 75.98%; fiber content: 5.55%; Brix: 20.5%; TS sugar: 17.69%); YC-SV-53 (fruit weight: 183.58 grams; edible rate: 75.76%; fiber content: 5.71%; Brix: 19.6%; TS sugar: 17.38%); YC-TN-03 (fruit weight: 393.42 grams; edible rate: 78.98%; fiber content: 5.59%; Brix: 20.5%; TS sugar: 17.62%) had many outstanding advantages, meeting the criteria of elite trees.

Keywords: Yen Chau round-shaped fruit mango, investigation, selection, elite tree

Ngày nhận bài: 08/11/2021
Ngày phản biện: 02/12/2021

Người phản biện: GS.TS. Vũ Mạnh Hải
Ngày duyệt đăng: 24/12/2021

PHỤC TRẮNG GIỐNG LÚA NẾP TAN NHE TẠI HUYỆN SÔNG MÃ, SƠN LA

Nguyễn Thị Tâm Phúc^{1*}, Nguyễn Thị Thu Hằng¹
Vũ Linh Chi¹, Dương Thị Hồng Mai¹

TÓM TẮT

Nếp tan nhe là giống lúa nếp địa phương có chất lượng cao được gieo trồng phổ biến trên địa bàn huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên hiện nay, năng suất suy giảm và lẫn tạp do người dân tự để giống suốt quá trình canh tác lâu năm. Trong nghiên cứu này, giống lúa Nếp tan nhe được điều tra, thu thập ở xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, sau đó tiến hành phục tráng tại địa phương bằng phương pháp chọn lọc dòng thuần vào vụ mùa 2017, 2018 và 2019. Kết quả giống Nếp tan nhe đã được phục tráng thành công, 600 kg giống siêu nguyên chủng được xác nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8548:2011 và TCVN 8550:2018. Giống sau phục tráng trong mô hình sản xuất của xã Chiềng Sơ năm 2020 đạt độ đồng đều cao, năng suất 4,23 tấn/ha, tăng 12,2% so với quần thể giống chưa phục tráng (3,77 tấn/ha).

Từ khóa: Giống lúa Nếp tan nhe, phục tráng, chọn lọc dòng thuần, tỉnh Sơn La

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các giống lúa địa phương được lưu giữ, gieo trồng qua nhiều thế hệ có khả năng thích nghi với điều kiện tự nhiên tốt, ít sâu bệnh, chất lượng ngon dẻo thơm. Những năm gần đây, Trung tâm Tài nguyên thực vật đã phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khu vực miền núi phía Bắc điều tra, thu thập và bảo tồn các giống lúa. Một số giống lúa như Khẩu ký, Khẩu nầm pua, Khẩu tan nương, Khẩu mang, Lúa Bát, Khẩu cấm xằng, Khẩu cấm ngâu đã và đang được khai thác, phát triển tại một số tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ (Trần Danh Sửu, 2015; Hoàng Thị Huệ, 2017).

Nếp tan nhe là giống lúa nếp cổ truyền được gieo trồng lâu đời ở huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Đối với đồng bào dân tộc Thái nơi đây, lúa nếp đóng vai trò rất quan trọng. Nó không chỉ là nguồn lương thực được sử dụng trong bữa ăn hàng ngày mà còn là nguyên liệu làm bánh chưng, bánh nếp, cốm... để đãi khách trong các dịp lễ tết, hội hè. Bên cạnh đó, lưu thông hàng hoá phát triển mạnh, giao lưu văn hoá vùng miền, du lịch sinh thái mở rộng như hiện nay khiến cho các sản vật địa phương ngày càng được chú trọng. Với xu thế đó, một giống lúa nếp có chất lượng cao và giá trị sử dụng như Nếp tan nhe cần được khai thác phát triển để không chỉ góp phần ổn định an ninh lương thực mà còn giúp phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Tuy nhiên, thực tế trong sản xuất, giống lúa này đang bị lẫn tạp, độ đồng đều không

cao, năng suất suy giảm đáng kể do nhiều nguyên nhân. Vì vậy, giống lúa Nếp tan nhe đã được tiến hành phục tráng tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La trong các vụ Mùa 2017, 2018 và 2019 nhằm nâng cao năng suất, đảm bảo độ đồng đều cao để đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hóa.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Quần thể giống lúa Nếp tan nhe được thu thập tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phục tráng giống: Xác định các đặc điểm của giống lúa Nếp tan nhe thông qua quá trình điều tra, mô tả giống. Các vụ phục tráng giống được tiến hành theo Tiêu chuẩn ngành về Lúa thuần - Quy trình kỹ thuật sản xuất hạt giống (10TCN 395:2006). Kiểm định đồng ruộng và kiểm nghiệm hạt giống theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8548:2011 và TCVN 8550:2018.

Phương pháp xây dựng phiếu điều tra và bảng mô tả giống: Phiếu điều tra và bảng mô tả giống được xây dựng trên cơ sở tham khảo tài liệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lúa (QCVN 01-65:2011/BNNT); Hệ thống đánh giá tiêu chuẩn cây lúa của IRRI (2013) kết hợp với kết quả điều tra, mô tả, đánh giá trực tiếp của cán bộ nghiên cứu về đặc điểm giống.

¹ Trung tâm Tài nguyên thực vật

* Tác giả chính: Email: nguyentamphuc85@gmail.com